

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 9 - 2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Hải Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà K' Nga;

2. Bà Nguyễn Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị N sinh năm: 1975;

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Ông Tô Quốc B, sinh năm: 1975;

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị N trình bày:*

Bà N và ông B quen biết, tìm hiểu nhau khoảng 04 năm thì tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện L. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng ông bà chung sống tại thôn Thôn B, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian ngắn sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông B hay chơi bời, nhậu nhẹt, xúc phạm, đánh đập bà N. Hiện tại bà N và ông B không còn chung sống với nhau nữa mà bà N ở nhờ nhà chị gái còn ông B sống tại căn nhà chung của hai vợ chồng. Trước đây bà đã gửi đơn ra Tòa án huyện Đam Rông đề nghị giải quyết ly hôn nhưng hai vợ chồng đã hòa giải đoàn tụ, bà cho ông B cơ hội sửa chữa nhưng ông không sửa chữa, mâu thuẫn ngày càng

trầm trọng. Nay bà N xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể kéo dài nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

- Về con chung: Bà N xác định vợ chồng bà có 02 con chung là Tô Hoài P, sinh ngày 10/4/1996 và Tô Thị Anh T, sinh ngày 18/7/2002. Hiện cả hai cháu đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà N xác định vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

- Về nợ chung: Bà N xác định vợ chồng bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập nhưng ông Tô Quốc B không hợp tác và từ chối nhận các văn bản tố tụng, ông B vắng mặt không có lý do và không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.*

Tòa án nhân dân huyện Đam Rông không tiến hành hòa giải được do ông B vắng mặt và bà N đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, bà N có mặt, ông B vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà N được ly hôn với ông B. Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị N với ông Tô Quốc B là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Bị đơn là ông B có nơi cư trú tại Thôn B, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 09/12/1995 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L thì quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị N với ông Tô Quốc B là quan hệ hôn nhân hợp pháp và phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc các đương sự vắng mặt: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập nhưng ông Tô Quốc B không hợp tác và từ chối nhận các văn bản tố tụng, ông B vắng mặt không có lý

do và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị N:

[4.1] Bà N trình bày trong quá trình chung sống thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông B hay chơi bời, nhậu nhẹt, xúc phạm, đánh đập bà N. Hiện tại bà N và ông B không còn chung sống với nhau nữa mà bà N ở nhờ nhà chị gái còn ông B sống tại căn nhà chung của hai vợ chồng. Trước đây bà đã gửi đơn ra Tòa án huyện Đam Rông đề nghị giải quyết ly hôn nhưng hai vợ chồng đã hòa giải đoàn tụ, bà cho ông B cơ hội sửa chữa nhưng ông không sửa chữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay bà N xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể kéo dài nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B

[4.2] Tòa án nhân dân huyện Đam Rông xác minh tại địa phương thì được biết vợ chồng bà N và ông B trong quá trình chung sống ở địa phương có xảy ra mâu thuẫn. Căn cứ hồ sơ lưu trữ tại Tòa án nhân dân huyện Đam Rông thì trước đây Tòa án đã thụ lý vụ án ly hôn giữa bà N và ông B, tuy nhiên sau đó hai vợ chồng đã hòa giải đoàn tụ thành. Hiện nay thì bà N và ông B không còn sống chung với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông B không hợp tác và từ chối nhận các văn bản tố tụng và đều vắng mặt tại các buổi làm việc, thể hiện ông B không có thiện chí cũng như mong muốn đoàn tụ gia đình với bà N.

[4.3] Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N và ông B là trầm trọng, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu xin ly hôn của bà N là có cơ sở, nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[5] Về con chung: Bà N xác định vợ chồng có 02 con chung là Tô Hoài P, sinh ngày 10/4/1996 và Tô Thị Anh T, sinh ngày 18/7/2002. Hiện cả hai cháu đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Bà N xác định vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án dân sự khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[7] Về nợ chung: Bà N xác định vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và các điều 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N: Bà Phạm Thị N được ly hôn với ông Tô Quốc B.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006195 ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đam Rông.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đam Rông;
- Chi cục THADS huyện Đam Rông;
- UBND thị trấn N, huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Hải Dương